

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 861/2019/HC-PT
Ngày: 25 - 11 - 2019
V/v: “Khiếu kiện quyết định giải
quyết khiếu nại về bồi thường, hỗ trợ
tái định cư”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười
Các thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng
Ông Hoàng Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2019/TLPT-
HC ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu
nại về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 1233/2018/HC-ST ngày 06 tháng 9
năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1519/2019/QĐ - PT
ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1/ Ông Nguyễn Hữu L (vắng mặt)

2/ Bà Phạm Thị Kim Y (vắng mặt)

Địa chỉ: 1/6 đường số 33 (T), phường B, Quận X2, Thành phố Hồ Chí
Minh

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị N (có
mặt)

Địa chỉ: 99C P, Phường X2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư

Nguyễn Ngọc T – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- *Người bị kiện:*

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 86 L, phường B, Quận X1, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 06 P, phường X14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phan Ngọc Anh H (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Phạm Thị Kim Y, ông Nguyễn Hữu L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn kiện ngày 29/12/2017, ý kiến tại buổi đối thoại, Ông Nguyễn Hữu L và bà Phạm Thị Kim Y yêu cầu:

Hủy các Quyết định 1290/QĐ-UB ngày 15/4/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Quyết định số 6622/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, vì các lý do sau:

UBND quận B thu hồi giải tỏa 817,902m² đất, trên đất có căn nhà diện tích 123,5m² bị giải tỏa toàn bộ. Nhà đất của ông L, nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Tấn H1 và Nguyễn Tấn D1 trên tổng diện tích 1.382m², đã đăng ký kê khai theo quy định và được cấp giấy phép công nhận sở hữu cho đến khi có lệnh giải tỏa thu hồi đất theo dự án đầu tư xây dựng nhà ở cụm đô thị Thanh niên V, Phường X22, quận B (gọi tắt là dự án lô A, B, C).

Bảng chiết tính đền bù cho ông L và bà Y:

Diện tích có chủ quyền 6,8m X 4,2m = 28,56m² X 100% đơn giá đất ở

Diện tích đất ngoài chủ quyền sử dụng từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993: 789,342m². Đền bù 100m² X 80% đơn giá đất ở; đền bù 100m² đất còn lại X 40% đơn giá đất ở;

Lẽ ra phải tính toàn bộ diện tích đất bị thu hồi theo đơn giá đất ở, mới đúng.

Lẽ ra phải giải quyết bố trí tái định cư theo phương án mới đúng.

Các Quyết định giải quyết khiếu nại của ông L và bà Y:

+ Quyết định số 1290/QĐ-UB ngày 15/4/2003 của Chủ tịch UBND quận B (gọi tắt là Quyết định 1290/2003/QĐ-UB) bác khiếu nại của ông L và bà Y, công nhận các phiếu chiết tính số 53/ĐTVT ngày 30/9/1999, tờ trình 15/TT-TCT ngày 21/12/1999, tờ trình 16/TT-TCT ngày 28/01/2000 và tờ trình số 189/TT-TCT ngày 17/6/2001 của tổ công tác thuộc Ban chỉ đạo đền bù giải tỏa.

+ Kết luận của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh tại công văn số 737/TTTTP-P2 ngày 30/6/2015 giải quyết theo hướng bố trí cho ông L bà Y một

nền tái định cư 40m² theo phương án.

+ Quyết định 6622/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết khiếu nại (gọi tắt là Quyết định 6622/QĐ-UBND) theo hướng giữ nguyên Quyết định 1290/2003/QĐ-UB.

Căn cứ theo Công văn 4698/UBND ngày 01/12/2000 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn 647/CP/ĐC ngày 31/5/1995 hướng dẫn Nghị định 60 ngày 5/7/1994; Khoản 1 Điều 4 mục a Phần 2 bảng quy định ban hành kèm theo Quyết định số 2896/QĐ-UB ngày 17/6/1996 thì phải được đền bù 817,902m² theo đơn giá đất ở. Việc tái định cư phải được đền bù theo điểm a mục 3 Công văn 4698/UBND ngày 01/12/2000 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vắng mặt tại Tòa án và gửi văn bản trình bày ngày 20/6/2018 như sau:

Nhà đất số 129/2 Điện Biên Phủ, phường 22, quận B có nguồn gốc do vợ chồng ông L, bà Y và 5 hộ cùng mua đất của ông Nguyễn Tấn D1 và mua nhà của ông Nguyễn Tấn H1 sử dụng kinh doanh sản xuất tranh sơn mài từ năm 1992 đến năm 2003.

Diện tích đất đo đạc thực tế khi chuyển nhượng bằng giấy tay giữa các hộ chung với ông L bà Y mua đất của ông D1 là 1.382m², theo giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 1878/GP-UB ngày 22/5/1992 là 1.316m²;

Theo giấy phép hợp thức hóa chủ quyền số 846/GP-UB ngày 18/4/1991 diện tích nhà mà ông Hưng bán cho ông L, bà Y là 28,98m²;

Do đó khi UBND quận B giải tỏa nhà đất của ông L, bà Y diện tích 817,902m² đất, tức là giải tỏa một phần diện tích đất và toàn bộ diện tích nhà 28,56m² thuộc dự án lô A, B, c. Ông L, bà Y không đăng ký thường trú tại địa chỉ trên, mà đăng ký thường trú tại địa chỉ 449 T, phường C, Quận X1. UBND đã ban hành phiếu chiết tính số 53/ĐTVT ngày 30/7/1999, như sau:

Giải tỏa diện tích khuôn viên đất 817,902m²; trong đó:

Diện tích có chủ quyền: 28,560m²

Diện tích ngoài chủ quyền sử dụng từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993: 789,342m²

Ngoài ra còn giải tỏa diện tích đất nông nghiệp 54,4m²

Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ 512.262.868 đồng.

Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 6622/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 có nội dung giữ nguyên Quyết định 1290/QĐ-UBND ngày 15/4/2003 của Chủ tịch UBND quận B.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B có yêu cầu xét xử vắng mặt tại cấp sơ thẩm.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 1233/2018/HC-ST ngày 06 tháng 9 năm

2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ:

+ Khoản 3 Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, 206 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015;

+ Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất;

+ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án

Xử:

Chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Hữu L, bà Phạm Thị Kim Y. Hủy Quyết định số 1290/QĐ-UB ngày 15/4/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Kim Y cư ngụ tại 129/2 Điện Biên Phủ, Phường 22, quận B trong quy hoạch của dự án xây dựng hạ tầng khu nhà ở cụm đô thị Thanh niên V giai đoạn 1 (lô A, B, C) và Quyết định số 6622/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu L, bà Phạm Thị Kim Y, quận B, liên quan đến nội dung tái định cư.

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành lại quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án hành chính sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 17/9/2018 người khởi kiện ông Nguyễn Hữu L, bà Phạm Thị Kim Y kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 15/4/2003 của UBND quận B, quyết định 6622/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh; Bồi thường toàn bộ diện tích 817,902 m² bị thu hồi theo đơn giá đất ở; giải quyết tái định cư là 02 nền đất, mỗi nền có diện tích 80 m².

Ngày 10/10/2018, người bị kiện Chủ tịch UBND quận B có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm đã hủy các quyết định của UBND nhưng nhận định của bản án chỉ căn cứ công văn của Thành phố Hồ Chí Minh thì trường hợp của hộ ông L được bồi thường theo giá đất ở và 2 nền tái định cư, mỗi nền 80 m². Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt

Trong phần tranh luận, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Theo chỉ đạo của UBND Thành phố Hồ Chí Minh trong công văn 4698 thì trường hợp ông L được bố trí 02 nền tái định cư, mỗi nền 80 m². Đối với việc bồi thường thì phần diện tích thu hồi 817,902 m² phải được bồi thường theo giá đất ở, quyết định của UBND là trái quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Trong phương án 642 điều kiện tái định cư là phải bị thu hồi toàn bộ diện tích, trường hợp ông L chỉ là giải tỏa 1 phần nên thuộc trường hợp bồi thường bằng tiền, bản án sơ thẩm vận dụng đề xuất của thanh tra thành phố nhưng đề xuất này sau đó lãnh đạo thành phố không đồng ý, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ công nhận phần nhà, còn đất đến hiện tại cũng chỉ đất trồng bồi thường theo giá đất nông nghiệp theo phương án bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà Y.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến;

- Về trình tự thủ tục tố tụng của Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng, và những người tham gia tố tụng, đã tuân thủ đúng trình tự quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung giải quyết vụ án vị kiểm sát viên cũng phân tích toàn bộ các chứng cứ có thể hiện trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với kháng cáo quá hạn của UBND quận B, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo quá hạn của UBND quận B.

Các đương sự cũng không có cung cấp hay bổ sung thêm chứng cứ gì mới, và cũng không có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Hữu L, bà Phạm Thị Kim Y trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Đối với kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND quận B, xét thấy: Bản án sơ thẩm tuyên xử ngày 06/9/2018, tại phiên tòa sơ thẩm người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện có mặt, đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm giải thích về thời hạn kháng cáo. Ngày 10/10/2018 người bị kiện Chủ tịch UBND quận B có đơn kháng cáo quá hạn. Tại văn bản số 4362/UBND-BTGPMB ngày 04/12/2018 UBND quận B giải trình lý do kháng cáo quá hạn là do phải báo cáo xin ý kiến UBND Thành phố Hồ Chí Minh và làm việc với

công ty TNHH Một thành viên dịch vụ công ích thanh niên xung phong. Xét thấy, lý do kháng cáo quá hạn của UBND quận B là không chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 208 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 không chấp nhận kháng cáo quá hạn của UBND quận B.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng của Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu được bồi thường theo giá đất ở:

Phần diện tích đất bị thu hồi có diện tích 817, 902m²; Đối chiếu với các giấy tờ nguồn gốc chuyển nhượng hoa màu (trên diện tích 1.040m²) có xác nhận của UBND phường và giấy phép số 1878/GP-UB của UBND quận B cấp hợp thức hóa chủ quyền căn nhà của gia đình ông D1 (Nguyễn Tấn H1) bán cho bà Y (diện tích 28,98m² trừ lộ giới, còn lại 28,56m²), tức là ngoài 28,56m² đất có nhà thì phần đất còn lại trong tổng số diện tích đất bị thu hồi, không có giấy tờ hợp pháp, hợp lệ về quyền sử dụng đất, nhưng thuộc khuôn viên nhà, do đó hộ ông L, bà Y được bồi thường về đất ở theo bảng quy định 116/1997/QĐ-LCQ; Phương án 642/1999/QĐ-UB là đúng, không thuộc trường hợp được bồi thường theo công văn số 4698/2000/UB-ĐB ngày 01/12/2000. Quyết định số 1290/2003/QĐ-UB giải quyết khiếu nại của ông L bà Y theo hướng áp dụng theo công văn số 4698/2000/UB-ĐB có lợi cho người có đất bị thu hồi, so với phương án 642/1999/QĐ-UB là phù hợp.

Đại diện của ông L bà Y nêu cần áp dụng Quyết định 2896/QĐ-UB-QLĐT ngày 17/6/1996 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh để tính toàn bộ 817,902m² là đất ở. Xét nội dung xác định loại đất ở trong bảng quy định 116/1997/QĐ-LCQ, Phương án 642/1999/QĐ-UB không trái với Quyết định 2896/1996/QĐ-UB-QLĐT. Đối chiếu giấy tờ nguồn gốc đất, nhà của ông L bà Y chỉ thể hiện có giấy phép công nhận số 1878/GP-UB của UBND quận B cấp hợp thức hóa chủ quyền căn nhà của gia đình ông D1 (Nguyễn Tấn H1) bán cho bà Y (diện tích 28,98m² trừ lộ giới, còn lại 28,56m², được xem là hợp pháp; phần diện tích đất còn lại bị thu hồi không có giấy tờ hợp pháp (giấy chứng nhận), không giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất ở. Do đó không chấp nhận ý kiến tính toàn bộ diện tích đất bị thu hồi, bồi thường theo đơn giá đất ở.

[3.2] Đối với yêu cầu được nhận 02 nền tái định cư, mỗi nền 80m²:

Ông L bà Y bị thu hồi toàn bộ căn nhà có diện tích 28,560m² đã có giấy phép công nhận sở hữu nhà hợp pháp (nhỏ hơn 60m²). Quyết định 1290/2003/QĐ-UB giải quyết bồi thường 28,56m² theo đơn giá 100% đất ở; Ngoài ra phần đất còn lại của khuôn viên căn nhà cũng được xác định là đất ở bằng hạn mức 100m², tính bằng 80% đơn giá đất ở.

Tại Công văn 4698/UB-ĐB ngày 01/12/2000 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh quy định bố trí nền tái định cư như sau: diện tích đất bị thu hồi từ 100m² đến dưới 150m², được bố trí lại hai nền đất, mỗi nền có diện tích khoảng 50m².

Tại Văn bản số 28/TB-VP-ĐT ngày 28/3/2000 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vướng mắc về đền bù giải tỏa đối với dự án đường Nguyễn Hữu Cánh, chấp thuận cho Hội đồng giải tỏa quận xem xét giải quyết những trường hợp hộ dân có hộ khẩu tại địa phương mua lại nhà, đất của người có sở hữu hợp pháp trước đây trong khu vực dự án, được hưởng chính sách tái định cư của dự án.

Xét ông L, bà Y cũng có đăng ký hộ khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1976, 1982 đến nay. Căn cứ các văn bản và điều kiện của ông L, thì có cơ sở giải quyết tái định cư cho hộ ông L bà Y, bằng hai nền đất, mỗi nền có diện tích khoảng 50m². Quyết định 1290/2003/QĐ-UB chưa xem xét nội dung tái định cư cho ông L, bà Y là có thiếu sót. Do đó, cần thiết phải hủy quyết định 1290/2003/QĐ-UBN ngày 15/4/2003 của UBND quận B để giải quyết lại nội dung về tái định cư cho ông L, bà Y.

Do quyết định số 6622/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết khiếu nại theo hướng giữ nguyên quyết định 1290/2003/QĐ-UB nên cần thiết phải hủy quyết định số 6622/QĐ-UBND.

Từ những cơ sở trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu L, bà Phạm Thị Kim Y là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, không chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự có kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Hữu L, bà Phạm Thị Kim Y. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 1233/2018/HC-ST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ:

+ Khoản 3 Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, 206 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015;

+ Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất;

+ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án

Xử:

Chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Hữu L, bà Phạm Thị Kim Y. Hủy Quyết định số 1290/QĐ-UB ngày 15/4/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận

B về giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Kim Y cư ngụ tại 129/2 Điện Biên Phủ, Phường 22, quận B trong quy hoạch của dự án xây dựng hạ tầng khu nhà ở cụm đô thị Thanh niên V giai đoạn 1 (lô A, B, C) và Quyết định số 6622/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu L, bà Phạm Thị Kim Y, quận B, liên quan đến nội dung tái định cư.

Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành lại quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định pháp luật.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu L, bà Phạm Thị Kim Y mỗi người phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0008202 ngày 04/3/2019, 0045685 ngày 21/11/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NKK (1);
- NBK (2);
- Lưu (10) 18b (Án39).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười

